



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hương Hóa, ngày tháng năm 2018

ĐỀ ÁN
RÀ SOÁT ĐẤT ĐAI, ĐO ĐẠC, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HUƠNG HÓA GIAI ĐOẠN 2018-2021

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện Hương Hóa đã đầu tư nhiều kinh phí cho công tác quản lý đất đai, đặc biệt công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng và nhân dân trên địa bàn huyện nói chung rất được chú trọng, giúp người dân yên tâm công tác, sản xuất, kinh doanh, góp phần rất lớn vào phát triển nền kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Hiện tại, trên địa bàn huyện vẫn còn rất nhiều hộ gia đình, cá nhân thiếu đất ở, đất sản xuất, nhiều hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được đáp ứng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế này, do tình hình sử dụng đất có nhiều biến động, dân số ngày càng tăng, nhu cầu sử dụng đất của người dân cũng tăng theo dẫn đến tình trạng thiếu đất; tuy đã có một số dự án về giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng một số người sử dụng đất không đến kê khai đầy đủ thông tin dẫn đến việc cấp giấy không thực hiện được, bên cạnh đó việc chưa hiểu rõ về pháp luật đất đai dẫn đến nhiều vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo cũng là một trong những nguyên nhân làm cho công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gặp nhiều bất cập.

Để đáp ứng nhu cầu về đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số, đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI và mục tiêu trọng tâm về phát triển kinh tế xã hội của huyện vào cuộc sống thì việc xây dựng "**Đề án rà soát đất đai, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Hương Hóa giai đoạn 2018-2021**" là hết sức cần thiết, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho người dân;

rà soát quỹ đất đai trên địa bàn huyện, đặc biệt là đất nương rẫy để hoang hóa nhiều năm của người đồng bào DTTS nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo mô hình liên doanh, liên kết, góp phần thực hiện các quy định của Luật đất đai năm 2013, tiếp tục nâng cao chỉ số cạnh tranh PCI, chỉ số tiếp cận đất đai.

II. THỰC TRẠNG VỀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ TÌNH HÌNH ĐO ĐẠC, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1. Thực trạng về đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện

1.1. Khái quát về đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất

Hướng Hóa là huyện miền núi, vùng cao có diện tích tự nhiên là 115.235,7 ha, có chung 156km đường biên giới với nước bạn Lào. Toàn huyện có 20.352 hộ, 91.084 khẩu, với 3 dân tộc anh em cùng sinh sống đó là: Vân Kiều, Pa Kô và dân tộc Kinh. Trong đó đồng bào DTTS 8.500 hộ, chiếm 41,7% dân số.

Dân cư được phân bố và cư trú rộng khắp trên toàn huyện, trong đó các xã vùng sâu, vùng xa người dân tộc chiếm tỷ lệ cao hơn 90% dân số, dân tộc Kinh sống chủ yếu tập trung ở 2 thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh và các xã dọc theo Quốc lộ 9. Phong tục, tập quán canh tác của người DTTS chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, đa số là lao động phổ thông với thu nhập thấp khoảng 8 đến 12 triệu đồng/người/năm. Tổng số hộ nghèo toàn huyện có 5.973 hộ/21.055 hộ chiếm tỷ lệ 28,36%, hộ cận nghèo có 1.614 hộ chiếm tỷ lệ 7,67%. Trong đó hộ nghèo người DTTS 5.490/8.720 hộ dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 62,96% so với tổng hộ DTTS.

Nguyên nhân thiếu đất sản xuất chủ yếu do tăng dân số tự nhiên, quỹ đất của xã hạn chế, một số xã diện tích đã quy hoạch vào rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các hộ mới thành lập và tách riêng nên diện tích đất của hộ gia đình chia ra nên không đủ diện tích theo định mức...

1.2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về đất ở, đất sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và các văn bản của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác dân tộc và chính sách dân tộc, về phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số; Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, ban hành nhiều Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch triển khai thực hiện. Lồng

ghép việc thực hiện các chính sách dân tộc vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, các Đề án phát triển theo ngành, lĩnh vực.

Công tác dân tộc được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; thực hiện tốt các chính sách về xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách về thương mại, về hỗ trợ phát triển sản xuất; chính sách về hỗ trợ đời sống; chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng; về thông tin tuyên truyền, trợ giúp pháp lý; chính sách về khám chữa bệnh, hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo. Thực hiện đầy đủ các chương trình trọng tâm như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008, Chương trình kiên cố hoá trường lớp học; Chương trình bê tông hoá giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng và nhiều Chương trình thiết thực khác.

Việc thực hiện đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 và Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã được UBND huyện Hướng Hóa chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Toàn huyện đã thực hiện việc giải quyết bằng đất theo Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 là 23 hộ, 28 ha (khai hoang đất sản xuất); hỗ trợ cày ruộng 9,69 ha với tổng kinh phí 420 triệu đồng (xã Hướng Việt 12 hộ, 180 triệu; Tân hợp 11 hộ, 160 triệu, A Xing 05 hộ 75 triệu); thực hiện việc giải quyết bằng đất theo Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 và là 589 hộ, 289,4 ha.

*** Đánh giá chung:**

Với sự hỗ trợ từ các chính sách dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Trung ương, sự quan tâm chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành ở tỉnh, sự tham gia hưởng ứng tích cực của người dân nên bộ mặt nông thôn miền núi Hướng Hóa đã có nhiều khởi sắc. Thực tế cho thấy những chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo được triển khai thực hiện trên địa đã mang lại kết quả thiết thực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn ở vùng miền núi, vùng biên giới. Đặc biệt một số chính sách đã giải quyết trực tiếp đến hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đang khó khăn về đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt hay vay vốn tạo việc làm, từ đó hạn chế dần tập quán du canh, du cư trong đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa bàn miền núi có

nhiều hạn chế, xuất phát điểm của người dân ở mức thấp, ngân sách địa phương hạn hẹp nên kết quả đạt được vẫn chưa cao. Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm tuy giảm nhưng chậm. Đời sống của người dân vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều hộ đồng bào đang gặp khó khăn về đất ở, đất sản xuất, thiếu vốn để phát triển, giải quyết việc làm.

Vì vậy, để tạo điều kiện cho người dân vùng dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển kinh tế, thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu, hòa nhập với các vùng khác trong tỉnh nhà thì việc tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách đặc thù nhằm tạo quỹ đất sản xuất, đất ở, tạo việc làm cho bà con đang còn khó khăn đã trở thành nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2018-2021 và trong những năm tiếp theo của huyện.

2. Tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện.

2.1. Tình hình tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện

Từ năm 2007 đến nay, trên địa bàn huyện Hướng Hóa được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện 2 dự án về giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp và ngoài lâm nghiệp. Căn cứ Chỉ thị 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hướng Hóa đã có Công văn số 350/UBND – TNMT ngày 04/9/2013; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 29/TN - MT ngày 25/10/2013 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát, đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Trong 2 năm 2014 và 2015 UBND huyện Hướng Hóa phối hợp với đơn vị tư vấn tiếp tục cấp Giấy chứng nhận bổ sung cho 2 xã Tân Lập và Hướng Tân. Ngoài ra, UBND huyện tổ chức trực báo để hướng dẫn cho UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai và đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận, đồng thời cử cán bộ trực tiếp về địa bàn hướng dẫn và rà soát lại hồ sơ cấp Giấy nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.

Công khai thủ tục hành chính, thời gian thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận cho người dân biết và giám sát kết quả thực hiện.

Chỉ đạo cho UBND cấp xã thông báo cho người dân biết về trách nhiệm, nghĩa vụ kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận.

2.2. Kết quả thực hiện

Kết quả rà soát, xác định số Giấy chứng nhận đã cấp

Tổng số Giấy chứng nhận đã cấp trên địa bàn huyện từ trước đến nay trên địa bàn là: 26.057 giấy.

Trọng đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp 11.364 Giấy với tổng diện tích là 14.538,03 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản 399 Giấy với tổng diện tích là 22,59 ha

+ Đất lâm nghiệp 3.780 Giấy với tổng diện tích là 14.163,46 ha

+ Đất ở nông thôn 7.583 Giấy với tổng diện tích là 299,72 ha

+ Đất ở đô thị 2.931 Giấy với tổng diện tích là 78,49 ha

Kết quả rà soát, xác định số thửa đất cần cấp Giấy chứng nhận

Toàn huyện hiện còn 5.344 thửa cần cấp Giấy chứng nhận. Trong đó: 5.215 thửa chưa cấp Giấy chứng nhận và 139 thửa chưa đăng ký.

Số thửa chưa cấp Giấy chứng nhận 5.215 thửa phân theo từng loại đất cụ thể như sau: 3734 thửa đất sản xuất nông nghiệp; 637 thửa đất lâm nghiệp; 46 thửa đất nuôi trồng thủy sản; 522 thửa đất ở nông thôn; 276 thửa đất ở đô thị.

Số thửa đất chưa cấp Giấy nói trên là số thửa đất đã đăng ký cấp Giấy nhưng chưa đủ điều kiện để cấp vì hồ sơ địa chính còn thiếu thông tin, số liệu đo đạc không chính xác, quy chủ sử dụng đất không đúng vị trí thực tế...

**** Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện***

Công tác kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một công tác hết sức quan trọng nhằm tạo mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình để họ có thể an tâm sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Với tổng số giấy đã được cấp là 26.057 giấy, thời gian qua huyện đã hoàn thành cơ bản công tác cấp Giấy CNQSD đất tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình tổ chức thực hiện công tác đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn tồn tại như: Hồ sơ còn tồn đọng nhiều, người sử dụng đất chưa đến kê khai đăng ký, một số thửa đất xác định chưa đúng mục đích sử dụng đất...

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính

phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 28/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 893/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) huyện Hướng Hoá; Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện của huyện Hướng Hóa;

- Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn tỉnh và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai trên địa bàn;

- Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu qua quy hoạch phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hướng Hoá khóa XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

- Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Hướng Hoá đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

2. Mục tiêu đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất về đất sản xuất nhằm đảm bảo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện có đủ đất sản xuất; từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần cho người dân. Chấm dứt tình trạng du canh; góp phần giảm nghèo bền vững, giảm dần chênh lệch trong phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số với các vùng khác trên địa bàn huyện, tăng cường khối đoàn kết dân tộc, giữ vững trật tự xã hội, an

ninh quốc phòng.

2.1. Mục tiêu cụ thể:

Tập trung rà soát, giải quyết cơ bản nhu cầu về đất sản xuất cho đồng bào DTTS trên địa bàn huyện, cấp giấy CNQSD đất, tạo điều kiện cho người dân yên tâm sản xuất, khai thác tốt nhất những tiềm năng có được từ đất đai, giúp người dân hiểu và chấp hành tốt pháp luật về đất đai.

Năm 2018, tập trung rà soát một số xã trọng điểm như: Ba Tầng, Hương Lộc và xã Húc (năm này vì thời gian còn lại hạn chế nên chỉ thực hiện đo đạc, rà soát, việc cấp giấy CNQSDĐ chuyển sang thực hiện trong năm 2019);

Năm 2019, tổ chức rà soát cho các xã: Hương Tân, Hương Phùng, Hương Sơn, Hương Linh, Tân Hợp;

Năm 2020, tổ chức rà soát cho các xã: Tân Liên, Tân Lập, A Dơi, A Túc, A Xing, Xy, Thanh, Thuận;

Năm 2021, tổ chức rà soát cho các xã: Tân Long, Tân Thành, Hương Việt, Hương Lập và thị trấn Lao Bảo.

Riêng thị trấn Khe Sanh đang được thực hiện theo dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư nên không đưa vào Đề án.

Phấn đấu đến năm 2021, giải quyết đất sản xuất cho 85% người đồng bào DTTS trên địa bàn góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm, giảm mức chênh lệch thu nhập giữa các vùng trên địa bàn huyện.

3. Nội dung nhiệm vụ giải pháp thực hiện

3.1. Nhu cầu về diện tích

Huyện Hương Hóa có diện tích tự nhiên rộng, địa hình phức tạp, có độ dốc lớn và bị chia cắt nhiều bởi các khe suối. Đặc biệt, đối với đồng bào DTTS sống quần cư theo bản làng, theo cụm dân cư tùy thuộc vào điều kiện địa hình và phong tục tập quán của mỗi vùng, mỗi dân tộc.

Đồng bào DTTS lấy việc trồng cây lúa cạn và hoa màu như: ngô, khoai, sắn... làm nguồn thu nhập chính. Đa số các gia đình đều có đất sản xuất nương rẫy. Tuy nhiên, diện tích đất canh tác hiện phụ thuộc vào điều kiện kinh tế hộ, sức lao động của mỗi gia đình và quỹ đất sản xuất của từng địa phương. Hiện nay, bên cạnh tập quán sản xuất nương rẫy, đồng bào đang có nhu cầu chuyển đổi phương thức canh tác, khai hoang mở rộng diện tích cây lúa nước, trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, cao su, cây nguyên liệu, cây lâm nghiệp.... Nhưng do địa hình chia cắt, đồi núi với độ dốc lớn vì vậy đồng bào DTTS vẫn đang trong tình trạng thiếu đất sản xuất để thâm canh, canh tác.

Trên cơ sở số liệu báo cáo của UBND các xã, thị trấn. Tổng số hộ DTTS thiếu đất sản xuất 3.756 hộ với nhu cầu về tổng diện tích 5.313,27ha.

(Phụ lục 1)

Tổng diện tích cần đo đạc, rà soát: 11.721,27 ha (bao gồm 5.313,27 ha của các hộ DTTS thiếu đất sản xuất và 6.408 ha đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu, đất của các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn quá thời hạn không đưa vào sử dụng theo quy định).

3.2. Giải pháp thực hiện

Quỹ đất thực hiện:

+ Đất nương rẫy đã qua sử dụng nay quảng canh nhiều năm, đất chưa sử dụng đang được các địa phương quản lý, đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu.

+ Qua rà soát, thu hồi đất từ các Công ty đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, các Ban quản lý rừng phòng hộ, các đơn vị đóng trên địa bàn... sử dụng không hiệu quả.

Đối với các xã, thị trấn tự cân đối được quỹ đất hiện có thì UBND các xã, thị trấn căn cứ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng đất tại địa phương mình để bố trí cho đồng bào dân tộc thiểu số tại địa bàn. UBND xã lập hồ sơ cấp đất cho từng hộ gia đình trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

Đối với các xã, thị trấn chưa cân đối được quỹ đất hiện có thì UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát lại quỹ đất trên địa bàn, nhất là quỹ đất do UBND xã quản lý đã quy hoạch thực hiện chính sách nhưng bị lấn chiếm; phối hợp với các ngành chức năng tham mưu cho UBND huyện đề nghị UBND tỉnh thu hồi một số diện tích từ các nông, lâm trường, Ban quản lý rừng phòng hộ và các doanh nghiệp sử dụng không hiệu quả; quản lý diện tích đất đã được khai hoang phục hóa, đất được hiến, mua, chuyển nhượng tự nguyện; tổ chức khai thác những vùng đất còn hoang hóa, nhằm tạo nguồn quỹ đất công, giao cho địa phương quản lý, xem xét giải quyết cho hộ dân chưa có hoặc thiếu đất sản xuất. Sau đó trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

4. Kinh phí thực hiện:

- Lệ phí hồ sơ cấp GCNQSDĐ: $3.756 \text{ hồ sơ} \times 100.000\text{đ}/\text{hồ sơ} = 375.600.000 \text{ đồng}$ (I)

- Kinh phí Biến động về sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng; biến động về sử dụng

đất: 3.756 hồ sơ * 310.000đ/ hồ sơ = 1.164.360.000 đồng (II)

(Phụ lục 2)

(Theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về đơn giá dịch vụ công trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh)

- Kinh phí đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính: 7.025.902.000 đồng (III)

(Phụ lục 3)

Tổng kinh phí về đo đạc, cấp GCNQSDĐ đất sản xuất:

(I) + (II) + (III) = 8.565.862.000 đồng

(Tám tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

Nguồn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ theo Đề án số 908/ĐA-UBND ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị (2.435.000.000 đồng) và ngân sách cấp huyện (bao gồm 10% kinh phí đo đạc, lập cơ sở dữ liệu và cấp giấy CNQSDĐ theo Quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ), nguồn vốn từ ngân sách được bố trí theo từng năm (phụ lục 4):

Năm 2018: 1.185.862.000 đồng

Năm 2019: 2.000.000.000 đồng

Năm 2020: 2.000.000.000 đồng

Năm 2021: 2.500.000.000 đồng

Năm 2022: 880.000.000 đồng (NS tỉnh bố trí để trả nợ cho đơn vị tư vấn)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham mưu giúp UBND huyện thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với Phòng NN&PTNT và các phòng ban liên quan, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện đề án:

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn rà soát, lập hoặc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo thẩm quyền, tham mưu UBND huyện đề nghị UBND tỉnh thu hồi một phần diện tích đất Ban quản lý rừng phòng hộ, các tổ chức sử dụng đất không hiệu quả.... để bố trí tạo quỹ đất sản xuất cho các hộ gia đình thuộc đối tượng của Đề án; lồng ghép chương trình nông thôn mới để thực hiện hiệu quả Đề án;

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện đề án;

- Tổ chức chỉ đạo, thực hiện việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân;

đầy đủ, chính xác các số liệu liên quan đến đồng bào DTTS và theo dõi, giám sát các chính sách hỗ trợ cho đồng bào DTTS nhằm phục vụ việc thực hiện đề án; kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện những sai sót xảy ra để có biện pháp giải quyết; tuyên truyền, vận động bà con thực hiện đúng các nội dung của Đề án.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch: Căn cứ vào kinh phí của Đề án được tỉnh phân bổ để tham mưu UBND huyện cân đối từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn cân đối ngân sách để thẩm định, trình UBND huyện xem xét, lồng ghép các nguồn đầu tư, bố trí vốn hàng năm cho cơ quan chủ trì thực hiện Đề án.

4. UBND các xã, thị trấn: Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ trên địa bàn xã, thị trấn đảm bảo công khai, dân chủ. Trên cơ sở nội dung Đề án, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án.

Già làng, Trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư tích cực giáo dục, tuyên truyền người dân trong thôn bản về mục đích, ý nghĩa của Chính sách để huy động cộng đồng tham gia đóng góp thực hiện Đề án.

5. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam các cấp: Phát động phong trào trong các cơ quan, tổ chức đoàn thể, các tổ chức trong và ngoài nước, các cá nhân hảo tâm, cộng đồng để hỗ trợ người dân thực hiện thành công Đề án./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- BTV Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- CVP, PVP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Trọng Vân

PHỤ LỤC 1:**TỔNG HỢP NHU CẦU CÁN GIAO ĐẤT, CẤP GIẤY CNQSD ĐẤT SẢN XUẤT***(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND huyện)*

Số thứ tự	Tên xã	Số hộ	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Lao Bảo	130	516.9	
2	Tân Thành	47	145.73	
3	Tân Long	125	178.5	
4	Tân Lập	132	137.7	
5	Tân Liên	28	8.94	
6	Tân Hợp	37	150	
7	Hướng Lập	255	382.5	
8	Hướng Việt	145	68	
9	Hướng Phùng	54	121.87	
10	Hướng Sơn	211	105.5	
11	Hướng Tân	355	221	
12	Húc	473	720.89	
13	Ba Tầng	314	643.7	
14	Thuận	43	57.76	
15	Thanh	156	122.35	
16	Hướng Lộc	236	568.35	
17	A Xing	215	315.5	
18	A Túc	176	200.84	
19	A Dơi	262	187.46	
20	Xy	144	210.78	
21	Hướng Linh	218	249	
22	Khe Sanh	-	-	Đang thực hiện
Tổng cộng		3756	5313.27	

PHỤ LỤC 02.

ĐƠN GIÁ CHI TIẾT SẢN PHẨM DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LẦN ĐẦU
ĐỊA ĐIỂM : HUYỆN HUỠNG HOÁ - TỈNH QUẢNG TRỊ

(Áp dụng theo QĐ số 3188/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng ĐKKĐ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.)

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

STT	Công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Chi phí trực tiếp						Chi phí chung	Đơn giá sản phẩm gồm thuế VAT	
				LĐKT	LDPT	Dụng cụ	Vật liệu	Thiết bị	Năng lượng			Cộng
1	Cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho hộ gia đình cá nhân	Hồ sơ	1	209.355	-	8.284	30.665	4.567	8.957	261.828	39.274	310.000

Bảng chữ: Ba trăm mười ngàn đồng chẵn

TỔNG HỢP DỰ TOÁN

CHI PHÍ ĐO ĐẶC CHÍNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH PHỤC VỤ GIAO ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM: huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	KK, Quy mô	Khối lượng	Theo Đơn giá			Thành tiền							
					Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Tổng	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Tổng					
I	Đo đạc chính lý BĐDC														
	PHẦN NGOÀI NGHIỆP														
1	Đổi soát thực địa	Ha	4	11.721,27	108.681	27.170	135.852	1.273.882.210	318.470.552	1.592.352.762					
2	Lưới khống chế đo vẽ	Thửa	4	11.721,27	9.490	2.372	11.862	111.233.750	27.808.438	139.042.188					
3	Đo vẽ chi tiết	Thửa	4	11.721,27	235.606	58.901	294.507	2.761.601.495	690.400.374	3.452.001.869					
	PHẦN NỘI NGHIỆP							411.065.847	82.213.169	493.279.017					
2	Lập bản vẽ BĐDC	Thửa	4	11.721,27	12.546	2.509	15.056	147.060.844	29.412.169	176.473.012					
3	Chuyên nội dung chính lý	Thửa	1-6	11.721,27	5.852	1.170	7.022	68.587.011	13.717.402	82.304.414					
4	Bổ sung số mục kê	Thửa	1-6	11.721,27	6.783	1.357	8.139	79.502.633	15.900.527	95.403.160					
5	Biên tập bản đồ và in	Ha	1-6	11.721,27	2.433	487	2.920	28.522.577	5.704.515	34.227.092					
6	Xác nhận hồ sơ các cấp	Ha	1-6	11.721,27	2.324	465	2.788	27.235.508	5.447.102	32.682.610					
I	CỘNG CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ							4.557.783.303	1.118.892.533	5.676.675.836					
1	Chi phí ngoài nghiệp							4.146.717.455	1.036.679.364	5.183.396.819					
2	Chi phí nội nghiệp							411.065.847	82.213.169	493.279.017					
II	CHI PHÍ LẬP THIẾT KẾ KỸ THUẬT DỰ TOÁN														
1	Chi phí ngoài nghiệp									165.868.698					
2	Chi phí nội nghiệp									7.018.171					
III	CHI PHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU									219.968.581					
1	Chi phí ngoài nghiệp									207.335.873					
2	Chi phí nội nghiệp									12.632.709					
IV	CHI PHÍ THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC									312.217.171					
V	PHỤ CẤP KHU VỰC									5.435.618					
VI	CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ									6.387.184.076					
	THUẾ VAT 10%									638.718.408					
	CỘNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ									7.025.902.483					
	LÀM TRÒN									7.025.902.000					

Bảng chữ: Bảy tỷ, hai mươi lăm triệu, chín trăm lẻ hai ngàn đồng chẵn

Phụ lục 4: TỔNG HỢP KINH PHÍ BỐ TRÍ THỰC HIỆN THEO TỪNG NĂM

Số TT	Tên xã, thị trấn	Năm thực hiện	Kinh phí (đồng)		Tổng	Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện		
01	Ba Tầng, Hương Lộc, Húc	2018	-	1.185.862.000	1.185.862.000	
02	Hương Tân, Hương Phùng, Hương Sơn, Hương Linh, Tân Hợp,	2019	-	2.000.000.000	2.000.000.000	
03	Tân Liên, Tân Lập, A Dơi, A Túc, A Xing, Xy, Thanh, Thuận	2020	450.000.000	1.550.000.000	2.000.000.000	
04	Tân Long, Tân Thành, Hương Việt, Hương Lập, TT Lao Bảo	2021	1.100.000.000	1.400.000.000	2.500.000.000	
05	-	2022	880.000.000	-	880.000.000	Trả nợ tư vấn
	Tổng cộng		2.430.000.000	6.135.862.000	8.565.862.000	

Bảng chữ: Tám tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng